

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-10-2018

*V/v tranh chấp về nuôi con của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;

2. Bà Phạm Thị Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị N, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Viết N1, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị N, anh N1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Đặng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Viết N1 tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát

sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, không có hạnh phúc. Nay chị N nhận thấy không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Viết N1.

Về con chung: Chị N và anh N1 chung sống có 03 con chung là Nguyễn Đình T, sinh ngày 04/10/1995; Nguyễn Tiến N2, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Đăng Uyên N3, sinh ngày 02/7/2012. Chị N yêu cầu nuôi dưỡng cháu N 2 và cháu N3, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con, cháu T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Viết N1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh N1 thống nhất với lời khai của chị N về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và quá trình chung sống giữa anh N1 và chị N. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh N1 đồng ý.

Về con chung: Anh N1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị N về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Viết N1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị N và anh N1 là vợ chồng.

Về con chung: Chị N và anh N1 tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến N2, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Đăng Uyên N3, sinh ngày 02/7/2012 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 04/10/2018 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Viết N1 là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh N1.

[2] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Viết N1 tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1993, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị N và anh N1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị N và anh N1 thống nhất giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Tiến N2, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Đặng Uyên N3, sinh ngày 02/7/2012, chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của chị N và anh N1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu N2 và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng cháu Nguyễn Đình T đã thành niên, chị N và anh N1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Viết N1 là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giao chị Đặng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Tiến N2, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Đặng Uyên N3, sinh ngày 02/7/2012. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 04/10/1995 đã thành niên chị N, anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị N và các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh N1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005586 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND cấp xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (Tr).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Oanh Kiều